|  |  |
| --- | --- |
| **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /QĐ-TTg | *Hà Nội, ngày tháng năm 2023* |

**DỰ THẢO 1**

**QUYẾT ĐỊNH**

PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HÓA DƯỢC ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Dược ngày 06 tháng 4 năm 2016;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;*

*Căn cứ Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Ban Chấp hành Trung ương về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Quyết định số 879/QĐ-TTg ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;*

*Căn cứ Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược quốc gia phát triển ngành dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030”;*

*Căn cứ Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình phát triển công nghiệp dược, dược liệu sản xuất trong nước đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045”;*

*Căn cứ Quyết định số 1165/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển ngành dược Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045“;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hóa dược đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Chương trình) với những nội dung sau đây**

**I. Mục tiêu**

1. Mục tiêu tổng quát

- Đẩy mạnh phát triển, từng bước hiện đại hóa ngành công nghiệp hóa dược thành ngành công nghiệp công nghệ cao và ngành kinh tế có giá trị gia tăng cao, đảm bảo sản xuất được nguyên liệu làm thuốc, làm thực phẩm bổ sung dinh dưỡng, thực phẩm chức năng và mỹ phẩm có chất lượng đáp ứng yêu cầu từ nguồn dược liệu trong nước, từng bước đáp ứng nhu cầu trong nước và tiến tới xuất khẩu, nhất là xuất khẩu tới các nước sử dụng cuối cùng.

- Hình thành Trung tâm nghiên cứu, hỗ trợ đầu tư và chuyển giao công nghệ hóa dược và Trung tâm sản xuất thử nghiệm và tương đương sinh học. Đảm bảo sự phối kết hợp tốt giữa các cơ quan quản lý, các cơ sở nghiên cứu, các doanh nghiệp dược, hoá dược trong nước và các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài để ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học vào sản xuất thử, thử nghiệm và sản xuất thực tế, tiếp nhận chuyển giao công nghệ.

- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên liệu hóa dược sử dụng để sản xuất thuốc, các sản phẩm chăm sóc sức khỏe và thể chất khác và dùng để xuất khẩu.

- Đào tạo được đội ngũ cán bộ nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, đội ngũ kỹ sư, công nhân có tay nghề đáp ứng yêu cầu về nhân lực của ngành công nghiệp hóa dược nói riêng, ngành dược phẩm và sản phẩm chăm sóc sức khỏe nói chung.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn từ nay đến năm 2030

- Đảm bảo đáp ứng 15% nhu cầu nguyên liệu hóa dược tính theo giá trị phục vụ cho công nghiệp bào chế thuốc và các chế phẩm y tế. Đáp ứng ít nhất 50% nhu cầu các chất chiết xuất từ dược liệu cho sản xuất thực phẩm bổ sung (Dietary Supplement), thực phẩm chức năng (Functional Food) và mỹ phẩm đảm bảo tiêu chuẩn sử dụng trong nước và xuất khẩu tới các nước sử dụng cuối cùng. Triển khai nghiên cứu và thử nghiệm dược chất phát minh, thuốc mới;

- Có ít nhất 30 sản phẩm là nguyên liệu hóa dược, thành phần bổ sung dinh dưỡng, thực phẩm chức năng, tá dược từ các nguồn nguyên liệu tự nhiên, dược liệu,…dựa trên kết quả nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm của Đề án đưa ra thị trường;

- Sản xuất 100 tạp chuẩn, 20 chất chuẩn cho ngành hóa dược và dược;

- Hình thành và xây dựng 02 khu công nghiệp hóa dược tại miền Bắc và miền Trung;

- Hình thành và xây dựng Trung tâm nghiên cứu, hỗ trợ đầu tư và chuyển giao công nghệ hóa dược và Trung tâm Nghiên cứu Phát triển và đánh giá tương đương sinh học.

b) Giai đoạn đến năm 2045

- Đảm bảo đáp ứng 30% nhu cầu nguyên liệu hóa dược tính theo giá trị phục vụ cho công nghiệp bào chế thuốc và các chế phẩm y tế. Đáp ứng ít nhất 75% nhu cầu các chất chiết xuất từ dược liệu cho sản xuất thực phẩm bổ sung, thực phẩm chức năng và mỹ phẩm đảm bảo tiêu chuẩn sử dụng trong nước và xuất khẩu tới các nước sử dụng cuối cùng. Triển khai sản xuất dược chất phát minh, thuốc mới;

- Tăng cường việc nghiên cứu, nâng cao tiềm lực để tham gia vào nghiên cứu, tổng hợp các loại thuốc thế hệ mới;

- Tiếp tục nắm bắt cơ hội xúc tiến thương mại các sản phẩm có thế mạnh của Việt Nam phục vụ sản xuất thuốc trong nước và xuất khẩu một số nguyên liệu thuốc;

- Hoàn thiện các khu công nghiệp hóa dược, Trung tâm hỗ trợ đầu tư và chuyển giao công nghệ hóa dược và Trung tâm Nghiên cứu Phát triển và đánh giá tương đương sinh học.

**II. Các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu**

**1. Các nhiệm vụ**

### *1.1. Sản phẩm nguyên liệu hóa dược*

Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng và xu hướng phát triển thị trường thế giới về các loại nguyên liệu làm thuốc hóa dược và những ưu điểm, hạn chế của ngành hóa dược trong nước, Chương trình dự kiến lựa chọn một số loại nguyên liệu làm thuốc hóa dược để đề xuất đầu tư nghiên cứu, phát triển sản xuất trong giai đoạn 2025-2045, cụ thể như sau:

1) Sản xuất dược chất generic tổng hợp hóa học, ưu tiên cho các loại dược chất kháng sinh (tự đầu tư nghiên cứu phát triển sản xuất tiền chất và tổng hợp API cho các loại thuốc với công thức và quy trình công nghệ đã biết; tiếp nhận chuyển giao công nghệ sản xuất API generic; gia công thuê API cho các công ty đa quốc gia; thu hút các công ty đa quốc gia vào đầu tư sản xuất API generic).

2) Sản xuất API generic bằng phương pháp chiết tách, tinh chế từ nguồn thảo dược trong nước (Rutin; Curcumin; Shikimic; Vinblastin, Vincristin, Vindolin, Catharanthin; Zeaxanthin; Rotundin; Glycosid; Artemisinin;…)

3) Nghiên cứu triển khai sản xuất API mới theo phương pháp tổng hợp hóa học và chiết tách từ cây thảo dược; thu hút các công ty đa quốc gia đầu tư sản xuất các dược chất mới; nhận gia công hoặc nhận chuyển giao công nghệ sản xuất API mới từ các công ty đa quốc gia.

4) Sản xuất các chất chiết từ thảo dược phục vụ sản xuất thuốc, các loại thực phẩm chức năng, các loại mỹ phẩm.

5) Sản xuất tá dược, khoáng chất (Nghiên cứu triển khai sản xuất; nhận gia công hoặc tiếp nhận chuyển giao công nghệ sản xuất tá dược, khoáng chất và vitamin các loại).

### *1.2. Về các dự án*

Huy động các nguồn vốn từ đầu tư công, các nguồn vốn xã hội và các nguồn vốn khác để triển khai xây dựng các dự án như sau:

 1) Dự án “Rà soát, đánh giá, đề xuất cơ chế chính sách phát triển ngành công nghiệp hóa dược” (do các bộ, ngành có liên quan chủ trì);

 2) Dự án “Phát triển, phát huy tiềm năng dược liệu ở trong nước” (do Bộ Y tế chủ trì);

 3) Dự án “Hình thành và xây dựng 02 Khu công nghiệp hóa dược tại miền Bắc và miền Trung”.

 4) Dự án “Đầu tư xây dựng Trung tâm Nghiên cứu – Chuyển giao công nghệ hóa dược”.

 5) Dự án “Đầu tư xây dựng Trung tâm Nghiên cứu phát triển và tương đương sinh học”.

 6) Dự án “Hỗ trợ sản xuất nguyên liệu thuốc và các sản phẩm hỗ trợ sức khỏe”.

**2. Các giải pháp**

### *2.1. Giải pháp về thể chế, chính sách*

- Hoàn thiện sửa đổi, bổ sung Luật Dược, Luật Hóa chất để trình Quốc hội ban hành, bao gồm sửa đổi, bổ sung các điều khoản cụ thể về ưu đãi, khuyến khích đầu tư sản xuất nguyên liệu làm thuốc và nguyên liệu đầu vào cho các sản phẩm thực phẩm bổ sung, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm bằng các phương pháp tổng hợp và chiết xuất hóa học. Bổ sung ưu đãi đặc biệt đối với ngành sản xuất hoạt chất và các nguyên liệu làm thuốc khác bằng phương pháp hóa học (tổng hợp hóa học từ các tiền chất và tách chiết từ dược liệu);

- Sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 trong đó quy định quy mô dự án đầu tư được ưu đãi phù hợp với tình hình thực tế trong ngành sản xuất dược phẩm, hóa dược Việt Nam. Sửa đổi quy định về ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư quy định tại Nghị định 31/2020/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư theo hướng: Sản xuất nguyên liệu làm thuốc, bao gồm nguyên liệu sản xuất theo phương pháp tổng hợp hóa học và tổng hợp sinh học, là ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư;

- Sửa đổi, bổ sung các quy định cụ thể trong các luật thuế có liên quan về các cơ chế ưu đãi đối với sản xuất nguyên liệu hóa dược và nguyên liệu làm thực phẩm bổ sung, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm từ nguồn dược liệu trong nước phù hợp với cơ chế đặc biệt ưu đãi đầu tư cho các ngành sản xuất này;

- Đơn giản hóa thủ tục chứng nhận và hưởng ưu đãi đầu tư cho các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

- Bổ sung các nhóm sản phẩm hoá dược từ nguồn vật liệu hóa học, sinh học và dược liệu vào danh mục các sản phẩm công nghệ cao khuyến khích đầu tư phát triển;

- Xây dựng hàng rào chính sách nhập khẩu hợp lý, không trái với các Hiệp định thương mại Việt Nam đã tham gia. Xây dựng các chính sách phù hợp nhằm hỗ trợ sản xuất nguyên liệu hóa dược từ đó thúc đẩy công nghiệp hóa dược Việt Nam phát triển đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Hạn chế nhập khẩu các mặt hàng nguyên liệu hóa dược mà doanh nghiệp Việt Nam đã sản xuất bằng các rào cản kỹ thuật hoặc chính sách thuế hợp lý.

***2.2. Giải pháp về quy hoạch***

- Quy hoạch phát triển dược liệu: Mặc dù trong Phụ lục I “Danh mục các Quy hoạch ngành quốc gia” và Phụ lục II “Danh mục các Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành” ban hành kèm theo Luật Quy hoạch số 21/2017/QH11 không nêu cụ thể về quy hoạch phát triển dược liệu. Tuy nhiên, do vai trò vô cùng quan trọng của đầu tư phát triển vùng dược liệu trong chương trình phát triển công nghiệp dược và công nghiệp hóa dược nên Quy hoạch vùng dược liệu cần được lồng ghép vào các Quy hoạch tổng thể quốc gia về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bở; Quy hoạch lâm nghiệp; Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản. Đồng thời, Quy hoạch phát triển vùng dược liệu phải là một trong những nội dung trọng tâm của Chương trình tổng thể phát triển, phát huy tiềm năng dược liệu hiện đang được Bộ Y tế triển khai xây dựng và dự kiến trình Chính phủ xem xét, phê duyệt trong năm 2024.

Các nước như Trung Quốc và Ấn Độ có tốc độ phát triển rất cao về ngành công nghiệp dược và hóa dược trong những năm gần đầy một phần nhờ Chính phủ các nước này đã, tạo lợi thế cạnh tranh và thu hút đầu tư từ các công ty trong nước cũng như các công ty đa quốc gia vào phát triển sản xuất dược chất và thuốc đồng thời tập trung đầu tư rất lớn cho các vùng dược liệu.

- Quy hoạch phát triển công nghiệp hóa dược: Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp hóa dược gần các vùng dược liệu lớn, dự kiến tại miền Bắc và miền Trung. Các khu công nghiệp hóa dược có thể tích hợp với các khu công nghiệp dược, dược liệu.

***2.3. Giải pháp về tài chính và đầu tư***

- Sử dụng nguồn lực xã hội hóa, trong đó chủ yếu là nguồn vốn của doanh nghiệp để chủ động phát triển sản xuất và cung cấp nguyên liệu hoá dược, thực phẩm bổ sung và thực phẩm chức năng cho ngành công nghiệp dược Việt Nam.

- Thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn: Nguồn ngân sách nhà nước cấp (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành; Kinh phí lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án đầu tư công giai đoạn 2025 – 2030; Kinh phí vận động, huy động từ các nhà tài trợ nước ngoài, WHO, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân trong, ngoài nước, nguồn vốn ODA và kinh phí hợp pháp khác; Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

- Tăng cường và đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư để nâng cấp, hiện đại hoá cơ sở vật chất kỹ thuật của các viện nghiên cứu, trường đại học, các doanh nghiệp. Xây dựng và đưa vào hoạt động có hiệu quả Trung tâm nghiên cứu, hỗ trợ đầu tư và chuyển giao công nghệ và các phòng thí nghiệm của các viện, trường, công ty.

- Tăng cường nguồn vốn cho đầu tư hạ tầng thiết yếu cho các khu công nghiệp sản xuất nguyên liệu làm thuốc và các sản phẩm hóa dược khác.

***2.4. Giải pháp về khoa học và công nghệ***

- Hỗ trợ tối đa từ các quỹ: Khoa học và công nghệ, Công nghệ cao, Đầu tư mạo hiểm, chuyển giao công nghệ cho việc nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ trong lĩnh vực hóa dược phục vụ phát triển công nghiệp hóa dược.

- Tập trung nguồn vốn cho Chương trình KC.11/21-30 do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì. Ứng dụng kịp thời các kết quả nghiên cứu khoa học, chủ động chuyển giao các công nghệ, tiến bộ kỹ thuật, sản phẩm nguyên liệu hóa dược và dây chuyền thiết bị mới, tiên tiến vào sản xuất sản phẩm ở quy mô công nghiệp. Hoàn thiện và ứng dụng các kết quả nghiên cứu chiết suất sản phẩm hóa dược từ dược liệu, sinh vật biển vào thực tế sản xuất, đặc biệt là các nguồn dược liệu, sinh vật biển quý hiếm, hàm lượng hoạt chất cao.

- Điều phối hoạt động giữa các tổ chức nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước với các doanh nghiệp trong nước nhằm đổi mới công nghệ và thiết bị tại các nhà máy có trình độ công nghệ và sản xuất còn lạc hậu, nhất là tại các nhà máy hóa dược, nhằm tăng hiệu quả sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Đẩy mạnh công tác tìm kiếm, tiếp nhận, chuyển giao công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực sản xuất nguyên liệu làm thuốc và các sản phẩm hỗ trợ.

- Hoàn thiện và nâng cao năng lực của các tổ chức, phòng thí nghiệm về kiểm định chất lượng các sản phẩm thuốc, nguyên liệu sản xuất thuốc, dược liệu.

***2.5. Giải pháp hợp tác quốc tế***

- Mở rộng và tăng cường hợp tác quốc tế song phương, đa phương với các quốc gia, tổ chức, cá nhân nước ngoài trong lĩnh vực nghiên cứu, sản xuất hoá dược. Chủ động xây dựng và thực hiện các chương trình hợp tác quốc tế, nhất là với các nước có nền công nghiệp hoá dược tiên tiến, các công ty đa quốc gia để trao đổi, hợp tác phát triển về quản lý, khoa học công nghệ, huy động nguồn vốn cho các dự án.

- Tạo lập môi trường hấp dẫn và có sức cạnh tranh so với các nước trong khu vực và các nước có nền công nghiệp hóa dược phát triển trên thế giới nhằm thu hút đầu tư có hiệu quả vào ngành công nghiệp sản xuất và xuất khẩu sản phẩm hóa dược.

***2.6. Giải pháp về đào tạo nhân lực***

- Chú trọng đào tạo các cán bộ đáp ứng tiếp nhận chuyển giao công nghệ mới, đảm bảo chủ động trong việc tiếp nhận công nghệ được chuyển giao.

- Thu hút sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế và của các nước phát triển để đào tạo nguồn nhân lực cho ngành hóa dược. Khuyến khích các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia vào công tác đào tạo nguồn nhân lực hóa dược.

- Tăng cường hợp tác với các đối tác nước ngoài để đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao phục vụ phát triển công nghiệp hóa dược.

- Đầu tư mới một số cơ sở đào tạo công nhân kỹ thuật, xây dựng chương trình đào tạo và tiêu chí thực hành để đào tạo công nhân tay nghề cao cho ngành hóa dược.

- Có chế độ, cơ chế, chính sách ưu đãi với các cán bộ hóa dược tay nghề cao, đẩy mạnh việc thu hút nhân tài, chất xám, trong đó có Việt kiều về làm việc trong nước.

***2.7. Giải pháp xúc tiến thương mại***

- Thực hiện tuyên truyền bảo vệ thị trường nội địa và mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước, tăng cường kiểm tra chất lượng hàng hoá nhập khẩu và lưu thông trên thị trường, chống hàng lậu, hàng kém chất lượng, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Xúc tiến việc xây dựng các hàng rào kỹ thuật như áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật về chất lượng đối với sản phẩm nhập khẩu, các loại thuế nhập khẩu, kiện chống bán phá giá, …trên cơ sở tôn trọng các hiệp định quốc tế, các cam kết đa phương, song phương mà Việt Nam đã ký kết để bảo vệ nền sản xuất trong nước.

- Khuyến khích các doanh nghiệp trong nước mở rộng hợp tác, liên doanh liên kết với các đối tác nước ngoài để mở rộng thị trường, lập các chi nhánh, đại diện ở nước ngoài để quảng bá sản phẩm và thương hiệu hàng Việt Nam.

- Đồng thời với việc nâng cao chất lượng dược phẩm trong nước, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa Bộ Công Thương, Bộ Y tế và Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, tổ chức có liên quan tiến hành các chiến dịch tuyên truyền sử dụng thuốc sản xuất trong nước loại bỏ tâm lý thích dùng thuốc ngoại.

- Thông qua các Đại sứ quán, các Hiệp hội và các đoàn công tác giúp các doanh nghiệp quảng bá, tìm kiếm thị trường xuất khẩu, trước hết là các sản phẩm có khả năng cạnh tranh như một số dược liệu, hóa dược chiết xuất từ hợp chất thiên nhiên.

- Đẩy mạnh việc xúc tiến thương mại các sản phẩm có tính cạnh tranh cao và có khả năng xuất khẩu.

 **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

***1. Bộ Công Thương***

- Chủ trì sửa đổi, bổ sung Luật Hóa chất trong đó quy định rõ về cơ chế, chính sách ưu đãi đối với đầu tư sản xuất ngành công nghiệp hóa dược để báo cáo Chính phủ trình Quốc hội xem xét ban hành;

- Chủ trì xây dựng Chương trình phát triển công nghiệp hóa dược đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045;

- Chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành thực hiện Chương trình theo uỷ quyền của Thủ tướng Chính phủ;

- Chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai Chương trình theo mục tiêu cho từng giai đoạn của Chương trình; Điều phối, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Chương trình;

- Chủ trì xây dựng 01 Trung tâm nghiên cứu, hỗ trợ đầu tư và chuyển giao công nghệ hóa dược;

- Xúc tiến thương mại các sản phẩm của Chương trình;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế và các bộ, ngành có liên quan xây dựng bộ tiêu chuẩn, quy chuẩn về nguyên liệu làm thuốc hóa dược và nguyên liệu cho các ngành công nghiệp thực phẩm bổ sung, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm;

- Chủ trì xây dựng hàng rào kỹ thuật đối với nguyên liệu hóa dược nhập khẩu nhằm điều tiết các mặt hàng nhập khẩu mà trong nước đã sản xuất được;

- Chủ trì phối hợp với các bộ, ngành địa phương xây dựng, phát triển thương hiệu; đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại các sản phẩm hóa dược;

- Tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện và đề xuất sửa đổi, bổ sung Chương trình khi cần thiết.

***2. Bộ Khoa học và Công nghệ***

- Phối hợp với Bộ Công Thương và các bộ, ngành có liên quan triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu khả quan của Chương trình KC.11/21-30 về hóa dược, dược phẩm và dây chuyền thiết bị tiên tiến vào sản xuất. Tổng hợp và cân đối kinh phí cho nghiên cứu khoa học để bố trí vào kế hoạch ngân sách khoa học và công nghệ hàng năm.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan sửa đổi, bổ sung Quyết định 38/2020/QĐ-TTg trình Thủ tướng Chính phủ trong đó bao gồm bổ sung công nghệ tổng hợp hóa dược vào Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư, phát triển và sản phẩm tổng hợp hóa dược vào Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển trình chính phủ ban hành.

- Phối hợp với Bộ Công Thương đưa ra mục tiêu, định hướng phát triển các nội dung khoa học công nghệ, góp phần phát triển công nghiệp hóa dược dựa trên thế mạnh sẵn có của Việt Nam.

***3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính***

- Chủ trì sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 trình cấp có thẩm quyền sửa đổi một số điều trong đó có quy mô các dự án đầu tư được hưởng ưu đãi đầu tư theo hướng giảm quy mô phù hợp với quy mô của các doanh nghiệp dược hàng đầu ở trong nước. Chủ trì sửa đổi, bổ sung Nghị định 31/2020/NĐ-CP trong đó có quy định về ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư, ưu đãi đầu tư;

- Xem xét, bố trí và cân đối các nguồn lực đầu tư xây dựng Trung tâm nghiên cứu, hỗ trợ đầu tư và chuyển giao công nghệ ngành hoá dược;

- Quy hoạch khu công nghiệp hóa dược tập trung ở miền Bắc và miền Trung. Các khu công nghiệp này có thể tích hợp với các khu công nghiệp dược, dược liệu thuộc Chương trình phát triển công nghiệp dược, dược liệu do Bộ Y Tế chủ trì triển khai thực hiện;

- Tổng hợp trình cấp có thẩm quyền giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm từ ngân sách nhà nước cho các Bộ, ngành, trung ương để thực hiện các nhiệm vụ khác của Chương trình.

***4. Bộ Tài chính***

- Bố trí nguồn vốn ngân sách hỗ trợ cho các dự án thuộc Chương trình phát triển công nghiệp hóa dược theo nguyên tắc hiệu quả, phân bổ tập trung, định mức cụ thể, rõ ràng, minh bạch; đảm bảo có sự lồng ghép các nguồn lực khi thực hiện Chương trình.

- Bố trí nguồn vốn ODA ưu tiên và các nguồn vốn khác (nguồn kinh tế sự nghiệp) cho phát triển nghiên cứu, sản xuất hoá dược.

- Chủ trì sửa đổi, bổ sung các luật thuế cho liên quan phù hợp với cơ chế đặc biệt ưu đãi đầu tư cho các dự án đầu tư phát triển ngành công nghiệp hóa dược.

***5. Bộ Y tế***

- Chủ trì sửa đổi, bổ sung trình cấp có thẩm quyền Luật Dược trong đó có các cơ chế, chính sách của nhà nước đối với ngành công nghiệp dược, hóa dược bảo đám thu hút được các doanh nghiệp trong nước, các doanh nghiệp nước ngoài nhất là các tập đoàn đa quốc gia đầu tư vào sản xuất dược phẩm, sản phẩm hóa dược.

- Phối hợp với Bộ Công Thương tổ chức thực hiện ứng dụng có hiệu quả các sản phẩm hoá dược của Chương trình.

- Xây dựng và hoàn thiện Chương trình tổng thể phát triển, phát huy tiềm năng dược liệu trong nước để cung cấp nguồn nguyên liệu cho hóa dược.

- Xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, chính sách để đưa các sản phẩm của Chương trình vào danh mục thuốc bảo hiểm y tế, thuốc đấu thầu vào bệnh viện.

***6. Bộ Giáo dục và Đào tạo***

Phối hợp với Bộ Công Thương và Bộ Y tế tổ chức đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao kể cả trong nước và ngoài nước, đáp ứng nhu cầu phát triển ngành công nghiệp hoá dược ở Việt Nam.

***7. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn***

Phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Công Thương phát triển và quy hoạch vùng trồng cây dược liệu đảm bảo đáp ứng đủ nguồn nguyên liệu và yêu cầu chất lượng cho công nghiệp hóa dược.

***8. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam***

Chủ trì phối hợp với Bộ Công Thương và các Bộ, ngành, địa phương thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về tín dụng để thực hiện các nội dung của Chương trình.

***9. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương***

- Ưu tiên về quỹ đất sạch cho xây dựng Trung tâm nghiên cứu, hỗ trợ đầu tư và chuyển giao công nghệ, khu công nghiệp hoá dược.

- Áp dụng cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện thực tế nhằm khuyến khích phát triển ngành hoá dược địa phương.

***10.*** Các bộ, ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm triển khai hoặc phối hợp với Bộ Công Thương triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;- Văn phòng TW Đảng;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Văn phòng Quốc hội;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Cổng TTĐT;- Lưu: VT, KGVX (3b). | **THỦ TƯỚNG****Phạm Minh Chính** |